

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ - ST
Ngày 06 -11-2019
V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Ông Nguyễn Trường Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Tuấn H, sinh năm 1972; Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Diễm Ph, sinh năm 1971; Vắng mặt

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn ông Trần Tuấn H trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Ông và bà Ph chung sống với nhau từ cuối năm 1993, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống của vợ chồng ông rất hạnh phúc cho đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, tình trạng mỗi ngày càng trầm trọng nên mặc dù vợ chồng ông sống chung một nhà nhưng không ai muốn quan tâm, nói chuyện với nhau. Nhận thấy, mâu thuẫn của ông và bà Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Ph.

Về con chung: Quá trình sống chung, ông và bà Ph có 02 con chung là Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 06/8/1994 và Trần Công Q, sinh ngày 18/3/1997. Các con chung hiện nay đã trưởng thành, có công việc, gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Lê Thị Diễm Ph trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông H sống chung với nhau từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Việc sống chung là do ông, bà tự nguyện, không có ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi tổ chức lễ cưới thì vợ chồng bà sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2006 thì chuyển về xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương chung sống cho đến nay. Cuộc sống chung của vợ chồng bà bình thường cho đến khi bà sinh con gái lớn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng thường cãi nhau gay gắt, không hòa hợp. Nay nhận thấy, bà và ông H không thể tiếp tục cuộc sống chung với nhau được nên bà đồng ý với yêu cầu của ông H, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 người con chung là Trần Thị Thảo Ng, sinh năm 1994 và Trần Công Q, sinh năm 1997. Các con nay đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà không có ý kiến gì, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Ph đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà không đến tham gia và đây là lần thứ hai bà vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phân thủ tục, phân tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Ông H và bà Ph thừa nhận ông, bà sống chung như vợ chồng từ năm 1993 và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ và hiện nay ông, bà không còn quan tâm lẫn nhau. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Tuấn H với bà Lê Thị Diễm Ph. Về con chung: Quá trình sống chung, ông H và bà Ph có 02 con chung là Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 06/8/1994 và Trần Công Q, sinh ngày 18/3/1997. Các con chung hiện nay đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đề cập xem xét. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Tuấn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Lê Thị Diễm Ph. Bị đơn hiện cư trú tại tổ 2, ấp B, xã P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà Ph đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và đây là lần thứ hai bà Ph vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn ông Trần Tuấn H và bị đơn bà Lê Thị Diễm Ph thừa nhận ông, bà tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông H, bà Ph đã xảy ra mâu thuẫn, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên ông H có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Ph. Xét thấy, ông H và bà Ph chung sống với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng trước ngày 01/01/2001 (ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực) có đủ điều kiện kết hôn nên theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (gọi tắt là Nghị quyết số 35), ông, bà có nghĩa vụ đăng ký kết hôn kể từ ngày 01/01/2001 cho đến ngày 01/01/2003. Nhưng cho đến nay, ông H và bà Ph vẫn không đi đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35, khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà Ph và quan hệ sống chung như vợ chồng của ông, bà không phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của ông H, bà Ph và các bản sao Giấy khai sinh do nguyên đơn cung cấp thì có căn cứ xác định ông H, bà Ph có 02 con chung là Trần Thị Thảo Ng, sinh ngày 06/8/1994 và Trần Công Q, sinh ngày 18/3/1997. Hiện nay, các con chung của ông H, bà Ph đã thành niên, có gia đình, nơi ở riêng, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 246, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Các Điều 14, 15, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tuấn H đối với bị đơn bà Lê Thị Diễm Ph về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”.

2. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Tuấn H và bà Lê Thị Diễm Ph.

3. Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Ông Trần Tuấn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0026275 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Chang